



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2025
Haiphong, April 24th, 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận quý 1/2025 so với quý 1/2024 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between Quarter I.2025 vs Quarter I.2024 from Separate and Consolidated statements of profit and loss as follows:

1.1 Báo cáo tài chính Công ty mẹ: / Separate Financial Statements (Parent Company):

ĐVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý I.2025/ Quarter I.2025	Quý I.2024/ Quarter I.2024	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	116,560	105,734	10,827	10%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	3,218	3,155	0,063	2%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	113,343	102,579	10,764	10%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	84,119	80,517	3,602	4%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	29,223	22,061	7,162	32%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0,027	0,007	0,021	314%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	0,825	1,498	(0,674)	(45%)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	0,660	1,373	(0,713)	(52%)
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	25,349	22,329	3,019	14%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	4,502	5,047	(0,545)	(11%)

Chỉ tiêu	Item	Quý I.2025/ Quarter I.2025	Quý I.2024/ Quarter I.2024	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	(1,424)	(6,807)	5,382	79%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0,018	0,057	(0,039)	(68%)
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0,689	0,132	0,557	421%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	(0,671)	(0,075)	(0,596)	(794%)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	(2,095)	(6,882)	4,787	70%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	0,006	-	0,006	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	(2,102)	(6,882)	4,780	69%

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ quý 1/2025 lỗ 2,095 tỷ, tức là tăng 4,787 tỷ, tương ứng tăng 70% so với quý 1/2024. Nguyên nhân là do trong quý 1/2025 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 10%, trong khi giá vốn tăng 4%, chi phí lãi vay giảm 52% do dư nợ vay giảm và chi phí bán hàng tăng 14% do Công ty áp dụng thêm các chính sách khuyến mại, hỗ trợ bán hàng để kích cầu tiêu dùng nên lợi nhuận lỗ 2,095 tỷ trước thuế và 2,102 tỷ sau thuế.

Profit before tax of the Parent Company in Quarter 1.2025 is a loss of VND 2.095 billion, increased by VND 4.787 billion, equivalent to an increase of 70% compared with that of the same period in 2024. The reason is that in Quarter 1. 2025, the net revenue from sales of goods and rendering of services increased by 10%, while the cost of goods sold only increased by 4%, the interest cost decreased by 52% due to a drop in loan balance and the selling expenses increased by 14% because the Company applied additional promotional policies and sales support to stimulate consumer demand, as a result, the profit before tax was a loss of VND 2.095 billion and the profit after tax was a loss of VND 2.102 billion.

1.2 Báo cáo tài chính hợp nhất: /Consolidated Financial Statement:

ĐVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý I.2025/ Quarter I.2025	Quý I.2024/ Quarter I.2024	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	146,855	167,500	(20,646)	(12%)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	3,212	3,156	0,055	2%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	143,643	164,344	(20,701)	(13%)

Chỉ tiêu	Item	Quý 1.2025/ Quarter 1.2025	Quý 1.2024/ Quarter 1.2024	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	109,107	135,715	(26,608)	(20%)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	34,537	28,629	5,907	21%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	0,889	0,638	0,252	39%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	1,260	3,581	(2,320)	(65%)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	<i>- In which: Interest expenses</i>	0,754	2,237	(1,483)	(66%)
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	26,789	23,350	3,439	15%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	6,842	7,743	(0,901)	(12%)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	0,534	(5,406)	5,940	110%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0,018	0,057	(0,039)	(68%)
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0,689	0,132	0,557	421%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	(0,671)	(0,075)	(0,596)	794%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	(0,137)	(5,481)	5,345	98%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	0,258	0,306	(0,048)	(16%)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	(0,395)	(5,788)	5,393	93%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý 1/2025 lỗ 0,137 tỷ đồng, tức là tăng 5,345 tỷ đồng, tương ứng tăng 98% so với quý 1/2024. Nguyên nhân chủ yếu là trong quý 1/2025 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (chủ yếu doanh thu xuất khẩu) giảm 13% trong khi giá vốn giảm 20%, chi phí lãi vay giảm 66% do dư nợ vay giảm, chi phí bán hàng tăng 15% so với cùng kỳ năm trước do Công ty đã áp dụng thêm các chính sách khuyến mại, hỗ trợ bán hàng để kích cầu tiêu dùng dẫn đến lợi nhuận hợp nhất lỗ 0,137 tỷ đồng trước thuế và 0,395 tỷ đồng sau thuế.

Profit before tax of the consolidated report in Quarter 1.2025 is loss of VND 0.137 billion, increased by VND 5.345 billion, equivalent to an increase of 98% compared with that of Quarter 1. 2024. The main cause for this is in Quarter 1.2025 the net revenue from sales of goods and rendering of services decreased by 13% (mainly decrease in export revenue), while the cost of goods sold decreased by 20%, the interest cost decreased by 66% due to a drop in loan balance and the selling expenses increased by 15% because the Company applied additional promotional policies and sales support to stimulate consumer demand, which led which led the consolidated profit before tax was a loss of VND 0.137 billion and the consolidated after before tax was a loss of VND 0.395 billion.

10344752
NG TY
PHẦN
HA LONG
CANFOCO
- TP. HẢI PH

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan./.
Our Company would like to explain to your Agency./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG
ON BEHALF OF HALONG CANFOCO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Sỹ Toàn

